TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH 2016

# KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH LIÊN THÔNG THÁNG 09.2020

NGÀNH : DƯỢC HỌC
HỆ LIÊN THÔNG: CAO ĐẲNG LÊN ĐẠI HỌC (D303)
MÔN THI : CHUYÊN NGÀNH DƯỢC

*Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 26/09/2020*

| STT | MSV | HỌ VÀ | TÊN | NGÀY SINH | GIỚI TÍNH | ĐIỂM THI | | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | SỐ | CHỮ | |
| 1 | D3031034 | Nguyễn Đình | Anh | 090985 | Nam | 5.0 | Năm | |
| 2 | D3031048 | Phạm Đức | Anh | 021194 | Nam | 7.5 | Bảy Phẩy Năm | |
| 3 | D3031029 | Phạm Thị | Bé | 200195 | Nữ | 6.0 | Sáu | |
| 4 | D3031040 | Võ Thị | Cẩm | 170890 | Nữ | 7.5 | Bảy Phẩy Năm | |
| 5 | D3031036 | Đinh Trường | Diện | 020595 | Nam | 6.5 | Sáu Phẩy Năm | |
| 6 | D3031003 | Hoàng Thị Thu | Dung | 251095 | Nữ | 7.5 | Bảy Phẩy Năm | |
| 7 | D3031005 | Trần Thị Hồng | Duyên | 250696 | Nữ | 6.5 | Sáu Phẩy Năm | |
| 8 | D3031010 | Đinh Thị Hương | Giang | 130997 | Nữ | V | Vắng | |
| 9 | D3031021 | Nguyễn Thị Thu | Hà | 050885 | Nữ | 8.0 | Tám | |
| 10 | D3031009 | Võ Thị | Hậu | 201096 | Nữ | 9.5 | Chín Phẩy Năm | |
| 11 | D3031024 | Đặng Thị | Hiền | 021294 | Nữ | 8.5 | Tám Phẩy Năm | |
| 12 | D3031002 | Phạm Thị | Hoa | 220496 | Nữ | 7.0 | Bảy | |
| 13 | D3031022 | Nguyễn Thị Nhật | Hoài | 181289 | Nữ | 9.0 | Chín | |
| 14 | D3031017 | Bùi Công | Hoàng | 091197 | Nam | 7.0 | Bảy | |
| 15 | D3031045 | Lê Thị Ánh | Huệ | 160788 | Nữ | V | Vắng | |
| 16 | D3031043 | Lê Thị Thu | Huyền | 180296 | Nữ | 7.5 | Bảy Phẩy Năm | |
| 17 | D3031042 | Trần Thị Ngọc | Kiều | 170497 | Nữ | V | Vắng | |
| 18 | D3031046 | Nguyễn Thị Việt | Linh | 060896 | Nữ | 9.5 | Chín Phẩy Năm | |
| 19 | D3031025 | Phạm Thị Bích | Loan | 140897 | Nữ | V | Vắng | |
| 20 | D3031016 | Nguyễn Thị Bích | Loan | 070897 | Nữ | V | Vắng | |
| 21 | D3031008 | Tôn Thất | Minh | 150197 | Nam | 6.0 | Sáu | |
| 22 | D3031037 | Lê Nữ Mi | Na | 080696 | Nữ | 7.0 | Bảy | |
| 23 | D3031027 | Dương Thị Minh | Ngọc | 061294 | Nữ | 8.5 | Tám Phẩy Năm | |
| 24 | D3031015 | Trần Thị | Ngọc | 120193 | Nữ | 8.0 | Tám | |
| 25 | D3031013 | Lưu Nữ | Nhi | 310197 | Nữ | 9.5 | Chín Phẩy Năm | |
| 26 | D3031044 | Nguyễn Thị Thúy | Nhi | 070296 | Nữ | 8.5 | Tám Phẩy Năm | |
| 27 | D3031047 | Huỳnh Thị Thúy | Nhi | 120395 | Nữ | DC | Đình Chỉ | |
| 28 | D3031018 | Võ Thị Quỳnh | Như | 150396 | Nữ | V | Vắng | |
| 29 | D3031004 | Nguyễn Thị | Phương | 260694 | Nữ | V | Vắng | |
| 30 | D3031035 | Nguyễn Thị | Phượng | 200895 | Nữ | V | Vắng | |
| 31 | D3031039 | Nguyễn Văn | Quang | 130694 | Nam | 3.5 | Ba Phẩy Năm | |
| 32 | D3031032 | Bùi Thị Phương | Thảo | 021291 | Nữ | 7.5 | Bảy Phẩy Năm | |
| 33 | D3031020 | Nguyễn Thị Thế | Thiên | 041296 | Nữ | 8.5 | Tám Phẩy Năm | |
| 34 | D3031014 | Châu Thị Minh | Thùy | 090193 | Nữ | 9.5 | Chín Phẩy Năm | |
| 35 | D3031023 | Nguyễn Trần Lệ | Thủy | 101291 | Nữ | 7.5 | Bảy Phẩy Năm | |

| STT | MSV | HỌ VÀ | TÊN | NGÀY SINH | GIỚI TÍNH | ĐIỂM THI | | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | SỐ | CHỮ | |
| 36 | **D3031041** | Đặng Võ Bảo | **Tiên** | 080297 | Nữ | 9.5 | Chín Phẩy Năm | |
| 37 | **D3031031** | Bùi Thị Huỳnh | **Trâm** | 060297 | Nữ | V | Vắng | |
| 38 | **D3031028** | Trương Thị | **Trang** | 010797 | Nữ | 5.0 | Năm | |
| 39 | **D3031007** | Lý Thị | **Triều** | 151288 | Nữ | V | Vắng | |
| 40 | **D3031001** | Lâm Thị Cẩm | **Tú** | 110996 | Nữ | 5.0 | Năm | |
| 41 | **D3031006** | Lâm Trần | **Tuấn** | 191092 | Nam | 7.0 | Bảy | |
| 42 | **D3031026** | Phan Văn | **Tùng** | 221191 | Nam | 7.5 | Bảy Phẩy Năm | |
| 43 | **D3031038** | Nguyễn Đắc | **Tùng** | 141097 | Nam | 7.5 | Bảy Phẩy Năm | |
| 44 | **D3031033** | Bùi Thị Thanh | **Tuyền** | 070294 | Nữ | 8.5 | Tám Phẩy Năm | |
| 45 | **D3031049** | Huỳnh Đặng Khánh | **Uyên** | 260797 | Nữ | 9.5 | Chín Phẩy Năm | |
| 46 | **D3031019** | Trần Thị Hồng | **Vi** | 160796 | Nữ | V | Vắng | |
| 47 | **D3031030** | Võ Thị | **Viên** | 100697 | Nữ | V | Vắng | |
| 48 | **D3031011** | Đinh Thị Thanh | **Xuân** | 060488 | Nữ | 7.0 | Bảy | |
| 49 | **D3031012** | Lê Thị | **Yến** | 250980 | Nữ | 8.0 | Tám | |

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 10 năm 2020

| LẬP BẢNG | NGƯỜI KIỂM TRA | TRƯỞNG BAN THƯ KÝ | CT. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH 2020 |
|---|---|---|---|
| Phan Thanh Tâm | Phạm Kim Ngọc Lan | TS. Nguyễn Phi Sơn | TS. Võ Thanh Hải |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN